VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
VIỆN VẬT LÝ

Số: 1980/QĐ -VVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên và chỉ tiêu không thực hiện tiết kiệm năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LÝ

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-VHL ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Viện Vật lý;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành môt số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-VHL ngày 29/12/2023 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-VHL ngày 16/8/2024 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên và chỉ tiêu không thực hiện tiết kiệm năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao chỉ tiêu tiết kiệm 5% chi thường xuyên và chỉ tiêu không thực hiện tiết kiệm năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP của Viện Vật lý (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: treo trên bảng tin và trên trang Web của Viện Vật lý.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp, Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Viện HLKHCNVN: để b/c
- Lưu: VT,Y.03.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN VẬT LÝ

Đinh Văn Trung

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ: VIỆN VẬT LÝ

Biểu số 2

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÔNG THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CẮT GIẢM 5% THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 119/NQ-CP

(Kèm theo Quyết định văn số 1999/VVL ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện Vật lý)

STT	Tên nhiệm vụ	Mã nguồn cấp KP	Kinh phí được giao năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ 5%	Kinh phí đề nghị trả nguồn
I	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ (L100-K101)**		**12.520,95**	**626,05**	**626,05**
1	Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi có tính chất lương *(dành cho các đơn vị được phê duyệt tự chủ)*	13	11.224,10	561,21	561,21
2	Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi có tính chất lương *(dành cho các đơn vị không được phê duyệt tự chủ)*	12			
3	Các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký hợp đồng trước ngày 07/8/2024, các gói thầu đã được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước ngày 07/8/2024 *((Sửa chữa phòng thí nghiệm nhà A25 - QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu số 314/QĐ-VVL ngày 7/11/2023; Hợp đồng sửa chữa số 218/HĐTCXD/VVL-TX ngày 15/11/2023 giữa Viện Vật lý và Công ty Thanh Xuân, Biên bản nghiệm thu ngày 25/12/2023)*	12	200,0	10,0	10,0
4	Các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm chuyển tiếp từ các năm trước và kết thúc vào năm 2024 *(chi tiết thể hiện ở biểu số 3)*	16	1.096,9	54,8	54,8
5	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác khoa học kỹ thuật với một số nước theo Hiệp định hoặc Nghị định thư *(chi tiết từng nhiệm vụ)*	16			
6	Kinh phí tài trợ báo, tạp chí, xuất bản				
	Kinh phí thường xuyên của các tạp chí	*13*			
	Mua tạp chí, sách báo	*12*			
7	Chi đóng niên liễm	12			
II	**Sự nghiệp văn hóa**				
1	Kinh phí xuất bản	12			
III	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**				
1	Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, các khoản chi có tính chất lương (L70-K81, L70-K82)	13			
2	Kinh phí miễn, giảm học phí theo quy định (L70-K81)	12			
3	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (L70-K85)	12			
	Tổng cộng		**12.520,95**	**626,05**	**626,05**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

TÊN ĐƠN VỊ: VIỆN VẬT LÝ

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÔNG THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CẮT GIẢM 5% THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 119/NQ-CP

(Kèm theo Quyết định văn số 198/VVL ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện Vật lý)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí được giao năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ theo Chỉ thị số 01/CT-TTg	Kinh phí thực hiện tiết kiệm, cắt giảm theo NQ 119/NQ-CP	Kinh phí được sử dụng
1	*2*	*3*	*4*	*5 = 4*	*6 = (3 - 5)*
I	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ (1+2+3+4)**	**11.418,90**	**570,95**	**570,95**	**10.847,96**
1	***Chi thường xuyên tự chủ***	***6.258,90***	***312,95***	***312,95***	***5.945,96***
1.1	Chi hoạt động chuyên môn quản lý	2.030,82	101,54	101,54	1.929,28
1.2	Nhiệm vụ đặc thù	3.850,00	192,50	192,50	3.657,50
1.3	Chi hỗ trợ cán bộ trẻ	100,00	5,00	5,00	95,00
1.4	Chi hỗ trợ công trình công bố	228,84	11,44	11,44	217,40
1.5	Hoạt động thường xuyên khác	40,00	2,00	2,00	38,00
1.6	Hỗ trợ đơn vị ở xa	9,24	0,46	0,46	8,78
2	***Chi nhiệm vụ KHCN (chi tiết từng nhiệm vụ)***	***4.200,00***	***210,00***	***210,00***	***3.990,00***
2.1	Nhiệm vụ mở mới năm 2024	4.200,00	210,00	210,00	3.990,00
2.1.1	*ĐL0000.02/24-25:Nghiên cứu vật lý năng lượng cao với một số thí nghiệm quốc tế tại Nhật Bản (PGS.TS. Nguyễn Anh Kỳ)*	*750,00*	*37,50*	*37,50*	*712,50*
2.1.2	*CT0000.01/24-25: Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế và chế tạo mẫu robot dạng người thông minh IVASTBot ứng dụng trong giao tiếp lễ tân văn phòng (TS. Ngô Mạnh Tiến)*	*1.500,00*	*75,00*	*75,00*	*1.425,00*
2.1.3	*VAST01.02/24-25: Nghiên cứu và phát triển hệ laser từ ngoại phổ siêu rộng ứng dụng trong nghiên cứu một số khí ô nhiễm (PGS.TS. Phạm Hồng Minh)*	*300,00*	*15,00*	*15,00*	*285,00*
2.1.4	*KHCBVL.01/24-25: Nghiên cứu mối liên hệ giữa tính ổn định nhiệt của protein G6PD với các phát triển Vật lý đột biến di truyền được ghi nhận trong lâm sàng gây bệnh suy giảm G6PD bằng mô phỏng máy tính (TS. Nguyễn Thị Thùy Nhung).*	*300,00*	*15,00*	*15,00*	*285,00*
2.1.5	*KHCBVL.03/24-25: Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật lý của chấm lượng tử graphene pha tạp ni tơ (N-GQDs) từ hoạt chất Indigo tự nhiên, được tách chiết từ cây Chàm mèo ở vùng núi phía bắc Việt Nam nhằm định hướng ứng dụng trong y sinh (TS. Nguyễn Thị Mai Hương).*	*300,00*	*15,00*	*15,00*	*285,00*
2.1.6	*KHCBVL.06/24-25: Nghiên cứu, chế tạo và đo đạc đặc trưng vật lý của cảm biến quang vùng UV, định hướng phát triển linh kiện quang điện tử chất lượng cao (TS. Vũ Thị Kim Oanh)*	*300,00*	*15,00*	*15,00*	*285,00*

STT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí được giao năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ theo Chỉ thị số 01/CT-TTg	Kinh phí thực hiện tiết kiệm, cắt giảm theo NQ 119/NQ-CP	Kinh phí được sử dụng
2.1.7	*CSCL05.02/23-24: Nghiên cứu tính chất và khả năng nano hóa hoạt chất dòng triterpenoids (Betulin) chiết xuất từ thiên nhiên, đánh giá hoạt tính sinh học của hợp chất -Ths. Lê Thị Thu Hương*	*150,00*	*7,50*	*7,50*	*142,50*
2.1.8	*CSCL05.01/23-24: Nghiên cứu gắn kết phân tử quang hoạt lên các cấu trúc nano định hướng ứng dụng sensor quang sinh - PGS.TS. Nghiêm Thị Hà Liên*	*150,00*	*7,50*	*7,50*	*142,50*
2.1.9	*CSCL05.02/24-25: Sự chuyển pha cấu trúc-Phép phân tích phổ tương quan hai chiều và phân tích thành phần chính quang phổ Raman của vật liệu R2Ir2O7v(R=Eu, Sm) (TS. Nguyễn Thị Minh Hiền).*	*150,00*	*7,50*	*7,50*	*142,50*
2.1.10	*CSCL05.03/24-25: Nghiên cứu trạng thái đồng phân và tỉ số đồng phân trong một số phản ứng hạt nhân và tính toán lý thuyết sử dụng chương trình TALYS (TS. Bùi Minh Huệ)*	*150,00*	*7,50*	*7,50*	*142,50*
2.1.11	*CSCL05.01/24-25: Nghiên cứu các đặc trưng quang học của nguồn laser phát đa bước sóng định hướng ứng dụng trong nghiên cứu môi trường (PGS.TS. Phạm Hồng Minh)*	*150,00*	*7,50*	*7,50*	*142,50*
2.2	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước và không kết thúc vào năm 2024				
3	***Chi không thường xuyên (chi tiết từng nhiệm vụ)***	***960,00***	***48,00***	***48,00***	***912,00***
3.1	*Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, tăng cường tiềm lực (Sửa chữa phòng thí nghiệm nhà A25*				
3.2	Nhiệm vụ NCVCC (7 đề tài mở mới + 1 đề tài chuyển tiếp)	960,00	48,00	48,00	912,00
3.2.1	*NVCC05.01/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (GS.TS. Lê Hồng Khiêm)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.2	*NVCC05.02/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Trịnh Xuân Hoàng)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.3	*NVCC05.03/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Phạm Hồng Minh)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.4	*NVCC05.04/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Trần Minh Tiến)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.5	*NVCC05.05/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Đỗ Thị Hương)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.6	*NVCC05.06/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*
3.2.7	*NVCC05.07/24-25: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2024-2025 (PGS.TS. Nguyễn Trọng Tĩnh)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114,00*

STT	Tên nhiệm vụ	Kinh phí được giao năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ theo Chỉ thị số 01/CT-TTg	Kinh phí thực hiện tiết kiệm, cắt giảm theo NQ 119/NQ-CP	Kinh phí được sử dụng
3.2.8	*NVCC05.02/23-24: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu viên cao cấp năm 2023-2024 - (PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn (chuyển tiếp sang 2024)*	*120,00*	6,00	*6,00*	*114.00*
3.3	Phát triển nhóm nghiên cứu mạnh		-		
3.4	Các nhiệm vụ hỗ trợ khác		-		
4	***Chi thường xuyên không giao tự chủ***				
4.1	Chi hoạt động chuyên môn quản lý				
4.2	Nhiệm vụ đặc thù				
4.3	Chi hỗ trợ cán bộ trẻ				
4.4	Chi hỗ trợ công trình công bố				
4.5	Hỗ trợ khác (chi tiết từng nhiệm vụ)				
II	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**				
1	Giáo dục đào tạo đại học				
1.1	*Chi thường xuyên*				
1.2	*Chi không thường xuyên*				
2	Giáo dục đào tạo sau đại học				
2.1	*Chi thường xuyên*				
2.2	*Chi không thường xuyên*				
III	**Sự nghiệp văn hóa**				
1	Nguồn phí được để lại theo quy định				
2	Nguồn NSNN cấp (chi tiết từng nhiệm vụ)				
IV	**Sự nghiệp kinh tế**				
	Chi tiết từng nhiệm vụ				
V	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
	Chi tiết từng nhiệm vụ				
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)	**11.418,90**	**570,95**	**570,95**	**10.847,96**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 3

ĐƠN VỊ: VIỆN VẬT LÝ

TỔNG HỢP KINH PHÍ TRẢ NGUỒN CỦA CÁC NHIỆM VỤ KHCN KHÔNG THỰC HIỆN TIẾT KIỆM 5% THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 119/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định văn số 1988/VVL ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Viện Vật lý)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Tên chủ nhiệm và thời gian thực hiện	QĐ phê duyệt (số, ngày tháng)	Kinh phí năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ 5%	Kinh phí 5% đề nghị trả nguồn		
						Cộng	*Kinh phí khoán*	*Kinh phí không khoán*
I	**Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**							
	Nhiệm vụ chuyển tiếp và kết thúc năm 2024			**1.096,85**	**54,84**	**54,84**	**54,84**	**0,00**
1.1	KHCBVL.06/23-24: Nghiên cứu các mạch Kondo điện tích phức hợp ứng dụng trong các linh kiện nano nhiệt điện	TS. Nguyễn Thị Kim Thanh VIỆN VẬT LÝ	QĐ số 963/QĐ-VHL ngày 13/6/2022	296,85	14,84	14,84	14,843	
1.2	KHCBVL.05/23-24: Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các hạt nano lai carbon– kim loại định hướng cho các ứng dụng quang điện	TS. Phạm Văn Dương VIỆN VẬT LÝ	QĐ số 963/QĐ-VHL ngày 13/6/2022	300,00	15,00	15,00	15,000	
1.3	KHCBVL.04/23-24: Nghiên cứu về sóng dẫn siêu âm trong các cấu trúc vật liệu đa lớp và ứng dụng trong định lượng tính chất của xương	TS. Nguyễn Thị Lâm Hoài VIỆN VẬT LÝ	QĐ số 963/QĐ-VHL ngày 13/6/2022	300,00	15,00	15,00	15,000	

TT	Tên nhiệm vụ	Tên chủ nhiệm và thời gian thực hiện	QĐ phê duyệt (số, ngày tháng)	Kinh phí năm 2024	Kinh phí đã tạm giữ 5%	Kinh phí 5% đề nghị trả nguồn		
						Cộng	*Kinh phí khoán*	*Kinh phí không khoán*
1.4	Phát triển các phức hợp cấu trúc nano chứa kim cương mới điều khiển quang đa mode để chẩn trị các bệnh đáng quan tâm trong xã hội	PGS.TS. Đinh Văn Trung, Viện Vật lý	QĐ số 2401/QĐ-VHL ngày 26/12/2022	100,00	5,00	5,00	5,000	
1.5	Ứng dụng hiệu ứng trường gần để kiểm soát các quá trình giam giữ và chuyển dời hạt tải trong vật liệu plasmon nanocomposite phẳng sắp xếp trật tự một phần với mật độ cao	TS. Phạm Văn Dương	QĐ số 2537/QĐ-VHL ngày 30/12/2022	100,00	5,00	5,00	5,000	
	.....							
TỔNG CỘNG				***1.096,85***	***54,84***	***54,84***	***54,84***	***0,00***